TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 30-3-2023
V/v T/c hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Đỗ Ngọc Ngà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 17/TB-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Mỹ L,** sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 8 xã A, huyện H, tỉnh Phú thọ

Bị đơn: Anh **Hồ Quang H,** sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 4 Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị Mỹ L là nguyên đơn trình bày:

Chị kết hôn với anh Hồ Quang H vào ngày 18/9/2005, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn với chị, anh H đã ly hôn với người vợ trước tại TAND huyện Hạ Hòa. Sau kết hôn vợ chồng về ở chung với gia đình anh H tại khu 4 Thị trấn H và cùng lao động tự do. Chung sống được khoảng 5 tháng, nhận thấy giữa vợ chồng không có sự hòa hợp nên chị đã về ở với gia đình tại khu 8 xã A, huyện H và đi lao động tự do ở Hà Nội.

Từ tháng 3/2006 vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Anh Hùng có 01 con riêng là Hồ Trung H, sinh năm 1994, hiện cháu đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh H không có mặt làm việc. Chị gái của anh H từ chối làm việc và từ chối nhận văn bản tố tụng thay anh H. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho chị Bùi Thị Mỹ L được ly hôn anh Hồ Quang H.

Về con chung: Chị L, anh H không có con chung, không đặt ra giải quyết. Về con riêng của anh H: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết.

Về án phí LHST: Chị L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập làm việc và thông báo cho anh Hồ Quang H tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần 2, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ L và anh Hồ Quang H kết hôn ngày 18/9/2005 hoàn toàn tự nguyện và được UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết

hôn vợ chồng ở tại địa phương và cùng lao động tự do. Chị L xác định vợ chồng chung sống được khoảng 5 tháng, do có bất đồng trong quan điểm sống nên chị đã về ở với gia đình tại khu 8 xã A, huyện H và đi lao động tự do ở Hà Nội, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đại diện chính quyền địa phương , tổ chức đoàn thể và trưởng khu 4 Thị trấn H cho biết vợ chồng anh chị L, H ở với nhau thời gian ngắn, nhiều năm sau đó không thấy anh chị cùng chung sống. Tại khu và địa phương cũng không nhận được đề nghị gì của anh chị để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Anh H có hộ khẩu thường trú tại khu 4 Thị trấn H nhưng đi làm ăn tự do, không khai báo tạm vắng, tuy nhiên anh H vẫn về địa phương để làm các giấy tờ có liên quan. Bố mẹ anh H đều đã chết, anh H có chị gái là H hiện ở tại khu 4 Thị trấn H, huyện H. Đề nghị Tòa án căn cứ tình trạng hôn nhân của anh chị và căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị L, anh H là trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L và cần xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Xác định chị L, anh H không có con chung, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về con riêng: Anh H có 01 con riêng là cháu Hồ Trung H, sinh năm 1994 do anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo Bản án số 04/LHST ngày 24/3/2004 của TAND huyện Hạ Hòa, hiện cháu H đã thành niên, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị L xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, do Tòa án không làm việc được với anh H về các mối quan hệ trên, nên nếu sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí LHST: Chị L phải chịu 300.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57 - Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Mỹ L được ly hôn anh Hồ Quang H.

2-Về con chung: chị Bùi Thị Mỹ L và anh Hồ Quang H không có con chung, HĐXX không đặt ra giải quyết.

3- Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4-Về án phí: Chị Bùi Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005088 ngày 02/11/2022 (xác nhận đã nộp đủ)

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị Lạc có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Hùng vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND TT H;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS – VP.

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc